

## CÁC BÌNH DIỆN NGHIÊN CỨU CÂU TRONG TIẾNG NGA

Nguyễn Tùng Cương (\*)

Trong các trường phái nghiên cứu cú pháp học hiện đại, câu luôn được xem là đối tượng trung tâm. Nhưng trong nhiều thập kỉ qua, cách hiểu về câu cũng tiến hoá không ngừng. Quan niệm phổ biến hiện nay coi câu là hiện tượng phức tạp, câu được xem xét dưới nhiều phương diện: cấu trúc, ngữ nghĩa, thông báo, ngữ dụng học v.v... Các bình diện này có tính độc lập tương đối nhưng quan hệ qua lại khăng khít với nhau. [Белашанкова, 2, tr.606]

Trong bài báo này, chúng tôi xin trình bày có tính chất giới thiệu chung một số bình diện nghiên cứu câu hiện đại trong tiếng Nga.

### 1. Bình diện cấu trúc (hình thức)

Bình diện hình thức phản ánh cấu trúc bên ngoài của câu, cho thấy tổ chức của câu. Một quan niệm cơ bản làm nền tảng để miêu tả hệ thống câu là khái niệm *khung cấu trúc*. Các nhà cú pháp học gắn khái niệm khung cấu trúc với việc phân biệt lời nói và ngôn ngữ. Các đơn vị cú pháp - cụm từ, câu đơn, câu phức- vừa là đơn vị ngôn ngữ: chúng được tổ chức theo một mô hình nhất định (thí dụ: khung cấu trúc câu là "mẫu cấu tạo khái quát hoá bao gồm những thành tố tối thiểu để cấu tạo nên câu" [Белашанкова, 2, tr.634]), vừa là đơn vị lời nói: các khung cấu trúc này được lấp đầy bằng lượng từ vựng nhất định.

Thí dụ: khung cấu trúc N1-Vf là mô hình cấu tạo chung cho nhiều câu cụ thể. Дети поют; Грачи прилетели; Деревья зеленеют; и др.

Trong ngữ pháp truyền thống, thành phần câu-chẳng hạn: chủ ngữ và vị ngữ - được tách ra nhờ các đặc trưng ngữ nghĩa và hình thức, có các phương thức biểu hiện bằng hình thái và cú pháp và ngữ nghĩa.

Thí dụ: chủ ngữ là thành phần chính của câu hai thành phần, về mặt ngữ pháp có vị trí độc lập so với các thành phần khác, chỉ đối tượng lời nói, có đặc trưng được xác định thông qua vị ngữ. Hình thức biểu hiện chính của chủ ngữ là danh từ cách một.

Hai tiêu chí này có vẻ là tương liên với nhau. Nhưng khi quan sát ngữ liệu cụ thể mới thấy rõ hiện tượng không tương liên hay là so le nhau.

Hiện nay, các nhà cú pháp học lại xem xét vai trò thành phần câu dưới góc độ tham gia vào sơ đồ cấu trúc câu là yếu tố quan trọng hơn: thành phần chính của câu là thành phần tham gia vào nòng cốt vị ngữ tính, tức là hạt nhân bảo đảm cho câu trở thành đơn vị vị ngữ tính hoàn chỉnh về mặt ngữ pháp. [Белашанкова, 2, tr. 609]

### 2. Bình diện ngữ nghĩa

Có thể nói không quá rằng trong những năm cuối của thế kỷ XX, cơn "bùng

\* TS, Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

hở ngữ nghĩa" đã bao trùm nhiều lĩnh vực trong ngôn ngữ học. Các nhà cú pháp học không đứng ngoài sự ảnh hưởng này; họ nghiên cứu các đơn vị cú pháp - cụm từ, câu - dưới góc độ nghĩa. Câu là đơn vị đa phương diện, một trong những phương diện này thể hiện ở chỗ câu cũng là đơn vị định danh như từ. Từ gọi tên sự vật, câu gọi tên tình huống, sự kiện.

Thí dụ câu: *Мальчик читает интересную книгу о море* chỉ một sự kiện, một tình huống, ở đây có các tham tố - *Мальчик, книгу* - cùng tham gia vào tình huống, các tham tố này làm các vai nghĩa khác nhau: chủ thể gây ra hành động và khách thể hành động.

Binh diện ngữ nghĩa phản ánh cấu trúc tình huống được nói tới. Người ta so sánh cấu trúc câu với một đoạn thực tiễn được miêu tả trong câu, vì ngữ nghĩa là quan hệ giữa hình thức ngôn ngữ với đối tượng phi ngôn ngữ.

Câu chỉ một tình huống - một sự kiện nào đó. Chủ thể ngữ nghĩa chỉ vật thể thực hiện hành động hay vật thể mang đặc điểm, trạng thái nào đó. Vị thể ngữ nghĩa chỉ hành động, đặc trưng của chủ thể. Chủ thể và vị thể ngữ nghĩa được xác định qua cấu trúc của tình huống (các đối tượng và các liên hệ giữa chúng với nhau và chúng tương đối độc lập, không phụ thuộc vào hình thức ngôn ngữ biểu hiện). Câu là tín hiệu phức tạp - tên gọi của tình huống. Hiểu một cách rộng thì tình huống là biểu vật của mọi đơn vị cú pháp. Định nghĩa về sự kiện, tình trạng sự vật cũng được hiểu theo nghĩa rộng như vậy. Vậy ta có vòng tròn logic: biểu vật của một đơn vị cú pháp là tình huống, nói ngược lại là, tình huống là biểu vật của đơn vị cú pháp. Vậy ta phải

xem tình huống là một loại biểu vật khác với các sự vật (tương ứng với chúng là các tín hiệu - từ, cụm từ chỉ sự vật) và cũng khác với các đặc trưng (tương ứng với chúng là các tín hiệu - từ, cụm từ chỉ đặc trưng hay tính vị ngữ).

Nội dung các đơn vị cú pháp là sự phản ánh các chức năng và quan hệ điển hình giữa các đối tượng trong thực tế vào ý thức của con người. Khi đối chiếu các sự kiện, tình huống khác nhau trong thực tế khách quan, giữa các sự vật có liên quan tới hành động, con người nhận biết ra sự khác nhau, thí dụ, giữa một thực thể chủ động thực hiện hành động và một thực thể chịu tác động từ thực thể kia. Chính sự khác nhau này là cơ sở để phân biệt chủ ngữ và bổ ngữ và là nội dung ngữ nghĩa của hai phạm trù này. [Никитин, 10, tr. 119]

### 3. Binh diện thông báo

Muốn sử dụng đúng các câu, nếu chỉ biết rõ cấu trúc vị ngữ tính thôi thì chưa đủ. Ta phải biết cả cấu trúc thông báo của câu. Tổ chức thông báo của câu là cấp độ độc lập, có quan hệ với hành vi giao tiếp của con người.

Thế giới bao quanh luôn được phản ánh trong tư duy của con người. Một ý tưởng được thể hiện trong câu nhờ các thành phần câu - chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, định ngữ, trạng ngữ. Thí dụ câu: *Я спуюсь передо мной* truyền tải một ý về sự kiện tương ứng trong thực tế bằng cấu trúc hai thành phần N1 -Vf, ở đây vị ngữ được mở rộng bằng bổ ngữ trực tiếp là *передо мной* và bổ ngữ gián tiếp chỉ nghĩa người nhận là *спуюсь*

Vẫn một sự kiện này, ta có thể diễn đạt bằng các câu sau:

- 1) *Тетрадь принёс преподавателю я.*
- 2) *Я тетрадь преподавателю принёс.*
- 3) *Я принёс преподавателю тетрадь.*
- 4) *Я принёс тетрадь преподавателю.*

Lượng từ vưng trong các câu trên như nhau. Các câu này chỉ khác nhau ở trật tự từ và ý nghĩa thông báo. Câu 1 thông báo về người hành động; câu 2 cho biết về hành động của người nói; câu 3- về đối tượng hành động; câu 4 - về đối tượng tiếp nhận.

Như vậy, trong quá trình giao tiếp, bằng trật tự từ và ngữ điệu và một số yếu tố khác, ta xuất phát từ nhu cầu giao tiếp mà truyền đạt cho người nghe cái anh ta muốn biết, hay nhấn mạnh cái ta coi là cần biết. Nhiệm vụ thông báo chính là yêu cầu thông tin nảy sinh trong quá trình giao tiếp.

Trong một thông báo, người ta phân ra hai phần. Phần thông tin cấp thiết là "phần báo". Phần thông tin đã biết là "phần nêu". [Матезнич В.,9; Белошанкова, 2, tr.705-706]

Khi ta nhấn mạnh một phần nội dung của câu tức là ta chia câu đó ra hai bộ phận: cái nêu và cái báo. Vậy việc phân chia câu thành hai phần như trên gọi là cách phân chia theo thực tại hoá.

Các mục đích thông báo là đa dạng: do con người có nhiều nhu cầu khác nhau. Mục đích thông báo, tuy không giống nhau, nhưng vẫn có thể quy lại ba loại chính: thông báo, hỏi và ra lệnh.

Khi mục đích thông báo là đưa một thông tin nào đó, là ghi nhận lại một cái gì đó, kể lại, giải thích cái gì đó, ta gọi đây là hành động thông báo.

Khi hỏi cũng là thực hiện một hành động thông báo, song có sự khác biệt ở mục đích. Mục đích của hành động hỏi là đòi hỏi biết thông tin mới. Người nói đang cần biết thông tin và đề nghị người nghe cung cấp thông tin mà người nói quan tâm.

Khi yêu cầu, ra lệnh cho ai làm gì cũng là thực hiện hành động thông báo. Người nói trong trường hợp này yêu cầu người nghe hành động, phản ứng theo yêu cầu của mình. Tương ứng với ba mục đích nói vừa nêu là các loại câu: trần thuật, nghi vấn, mệnh lệnh.

Qua phần giới thiệu ngắn gọn ở trên, ta thấy câu là đơn vị nhiều bình diện. Các bình diện này tuy tương đối độc lập nhưng có quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau. Ta hãy xem thí dụ sau:

	<b>Брат</b>	<b>читает</b>	<b>книгу.</b>
Cấu trúc hình thức	Vị trí đầu câu, chủ ngữ ở cách một	động từ-vị ngữ ở thể chủ động	Vị trí cuối câu, bổ ngữ ở cách bốn
Cấu trúc ngữ nghĩa	Chủ thể hành động, vật thể gây ra hành động	Vị thể hành động	Khách thể hành động
Cấu trúc thông báo	Phần nêu		Phần báo

Các bình diện này vừa có sự tương liên với nhau, nhưng cũng có sự không tương liên, hay là so le nhau.

Hai thành phần chính của câu tương liên với các phạm trù chủ thể - vị thể trong cách phân loại theo tiêu chí ngữ nghĩa và

cú pháp, cũng tương liên với phần nêu và phần báo trong câu (theo tiêu chí thông báo). Nhưng sự tương liên này không nghiêm ngặt, chỉ là chiều hướng chung mà thôi. Chủ thể (đối tượng được nói tới trong câu) là cái đã cho, đã biết, thường không phải lúc nào cũng biểu hiện bằng danh từ cách một. Chủ thể này có thể được biểu hiện bằng các cách gián tiếp. Thí dụ:

*Она нездорова - Ей нездоровится.*

*Она имеет много недостатков - У неё много недостатков.*

Mỗi tương quan giữa vị ngữ và vị từ cũng vậy.

Ta biết trong cú pháp có hiện tượng không tương đồng, so le: mỗi tương quan giữa hình thức và nội dung không luôn luôn trùng hợp nhau.

Các câu *Студенты почувствовали усталость; Учениками овладела тоска; Брат охватил страх и др.* xét về mặt hình thức là câu có ba thành phần: chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ, nhưng xét về ngữ nghĩa - lại chỉ có hai thành tố là chủ thể hành động và vị thể ngữ nghĩa: *Студенты устали; Ученики заскутали; Брат испугался.*

Và một hiện tượng ngữ pháp có thể có nhiều cách phân loại. Thí dụ: *полёт над полем* có quan hệ định tính (*какой полёт?*), quan hệ khách thể (*над чем?*), quan hệ trạng ngữ địa điểm (*где?*).

#### 4. Bình diện ngữ dụng học

Câu là đơn vị được xem xét theo ba bình diện như vừa nêu: hình thức hay là cấu trúc; nội dung- ngữ nghĩa và thông báo. Gần đây người ta đưa thêm bình diện ngữ dụng học. [Гук, 3, tr. 190; Никитин, 10, tr.138-139]

Lý thuyết hành động về ngôn ngữ coi lời nói là hành động, hành vi. Hành động

lời nói cũng nằm trong hệ thống các hành động và quan hệ của con người.

Quan niệm sử dụng lời nói cũng là hành động thể hiện rõ nhất qua thí dụ sau: *Я тебя проклинаю.* Đây vừa là thông báo về việc nguyên rủa, vừa là hành động nguyên rủa. Còn câu *Он тебя проклинает* chỉ đơn thuần là thông báo về việc nguyên rủa, chứ không phải là hành động nguyên rủa.

Trong khi sử dụng lời nói, con người luôn luôn lựa chọn chiến lược giao tiếp tối ưu, có tính đến các yếu tố của tình huống: những người tham gia giao tiếp, vai trò của người nói, đặc điểm người tiếp chuyện tiếp thu các thông báo, phản ứng của họ trước các yêu cầu, mệnh lệnh nào đó, điều kiện và mục đích giao tiếp v.v...

Nghĩa ngữ dụng học còn sâu sắc hơn nghĩa ngữ nghĩa đơn thuần. Nghĩa ngữ dụng học mang nhiều yếu tố do tình huống và tiền giả định quy định. Nghĩa ngữ dụng học là tổng các nghĩa bên ngoài ngôn ngữ của từ và hình thái từ kết hợp với phần phi ngôn ngữ xuất hiện trong tình huống giao tiếp bao gồm nhiều nghĩa bổ xung có được trong một hành vi lời nói.

Đặc điểm của các đơn vị cú pháp là luôn gắn với một tình huống nhất định. Những người tham gia giao tiếp càng hiểu biết nhiều về đối tượng lời nói bao nhiêu, thì càng dễ hiểu đúng về thông báo bấy nhiêu. Toàn bộ các tri thức sơ bộ (có tính chất phong nền) giúp cho việc thực hiện phát ngôn và có thể hiểu được phát ngôn đó được gọi là tiền giả định. Khái niệm tiền giả định bao gồm cả khái niệm văn cảnh (chu cảnh ngôn ngữ của một đơn vị ngôn ngữ) cả hoàn cảnh diễn ra phát ngôn đó.

### Kết luận

Câu luôn luôn là đối tượng nghiên cứu đặc biệt của các nhà cú pháp học. Hiện nay câu được xem là đơn vị cú pháp phức tạp, có tính nhiều mặt. Việc nghiên cứu câu dưới nhiều góc độ: cấu trúc, ngữ nghĩa, thông báo, ngữ dụng học giúp ta hiểu rõ hơn về đơn vị này. Một vấn đề được đặt ra là trong quỹ thời gian dành cho môn lý thuyết tiếng để đào tạo cử nhân tiếng Nga

số thời gian dành cho cú pháp câu đơn rất hạn chế, vậy có cách nào để sinh viên không bị tụt hậu, do không có điều kiện nắm bắt các trào lưu mới trong việc nghiên cứu cú pháp. Các nhà biên soạn chương trình đào tạo cử nhân và thạc sĩ cần có sự điều chỉnh cho hợp lý hơn nữa trong việc phân phối chương trình dạy và học chương này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Арутюнова Н.Д. *Предложение и его смысл. Логико-семантические проблемы*. М., 1976.
2. Белошапкова В.А. и др. *Современный русский язык. Под редакцией В.А. Белошапковой*. 2-изд., М., "Просвещение", 1989.
3. Гак В.Г. *Теоретическая грамматика французского языка. Синтаксис*. М., "Высшая школа", 1986.
4. Золотова Г.А. *Очерк функционального синтаксиса русского языка*. М., 1973.
5. Клемина А.В. *Простое предложение в современном русском языке*. М., "Русский язык", 1989.
6. Ковтунова И.И. *Современный русский язык. Порядок слов и актуальное членение предложения*. М., 1976.
7. Кокорина О *Семантическом субъекте и особенностях его выражения в русском языке*. М., "Изд. Московского университета", 1979.
8. Ломтев Т. *Структура предложения в современном русском языке*. М., 1979.
9. Матезиус В. *О так называемом актуальном членении предложения. Язык и стиль*. Пражский лингвистический кружок. М., 1967.
10. Никитин М.В. *Основы лингвистической теории значения*. М., "Высшая школа", 1988.
11. *Русская грамматика (АГ-80)*. М., 1980. Т 2.

VNU JOURNAL OF SCIENCE: Foreign Languages, T. XIX, N.2, 2003

### ASPECTS OF THE STUDY OF THE SENTENCE IN RUSSIAN

Dr. Nguyen Tung Cuong

*Department of Russian Language and Culture  
College of Foreign Languages- VNU*

The work aims at presenting modern findings in the study of the sentence as a syntactic unit. The sentence has its structural, semantic, communicative and pragmatic characteristics. Aspects of sentence analysis are closely connected.

In term of structure the sentence is limited to its abstract models.

The sentence in the semantic aspect is expressing a single meaning

From the communicative point of view the sentence is an utterance